TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2018/QĐST-HNGĐ	***Y,*** *ngày 29 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Chu Văn N sinh năm 1993; địa chỉ xóm 9, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Mai Thị T sinh năm 1997; địa chỉ xóm 9, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Chu Văn N sinh năm 1993; địa chỉ xóm 9, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Chị Mai Thị T sinh năm 1997; địa chỉ xóm 9, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh N và chị T cùng trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Chu Thị Quỳnh A sinh ngày 15/10/2015; Anh N và chị T thỏa thuận giao cháu Quỳnh A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Quỳnh A trưởng thành, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng là 700.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 cho đến khi cháu Quỳnh A trưởng thành.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng anh Ncòn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Quỳnh A được sống chung với chị T và anh Nco quyền được thăm nom, chăm sóc cháu Quỳnh A; chị T không được cản trở anh Ntrong việc thăm nom, chăm sóc cháu Quỳnh A.

Về tài sản chung: Cả Anh N và chị T cùng trình bày vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí:

- Án phí ly hôn: Anh N và chị T thỏa thuận, anh N nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ theo quyết định của Tòa án, do hai bên thỏa thuận nên anh N phỉa nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm anh N phải nộp là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nđã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001699 ngày 03/01/2018 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y, anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- UBND xã H
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.